

Bản án số: 40/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 25-7-2022.

V/v ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Đức Thuận.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Hà Thị Dung.
2. Ông Đinh Thanh Hải.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Thanh Thúy - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thái Nguyên tham gia phiên tòa: Bà Lê Ngọc Kim Loan – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 7 năm 2022, tại hội trường Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 19/2022/TLST-HNGĐ ngày 27 tháng 4 năm 2022 về ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 32/2022/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Hoàng Thị L, sinh năm 1995.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm A, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Xóm L, xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Có mặt.

2. Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1991.

Nơi đăng ký HKTT: Xóm A, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên.

Chỗ ở hiện nay: Hiện đang lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn chị Hoàng Thị L trình bày:

Về hôn nhân: Chị và anh Nguyễn Văn N được tự nguyện tìm hiểu và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam vào tháng 7 năm 2015. Anh chị có tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương.

Sau khi kết hôn, thời gian đầu vợ chồng chung sống với gia đình nhà chồng tại xóm A, xã H, huyện Đ. Thời gian đầu vợ chồng sống vui vẻ, hòa thuận tuy nhiên trong quá trình chung sống do anh N ham chơi không có trách nhiệm với gia đình

nên vợ chồng xảy ra mâu thuẫn. Đến năm 2020 anh N đi lao động xuất khẩu tại Đài Loan. Về địa chỉ hiện nay (ở nước ngoài) của anh N, chị xác định anh N không cho chị biết và gia đình nhà anh N cũng đều không biết. Từ khi anh N sang Đài Loan, thời gian đầu vợ chồng cũng có liên lạc, anh N có gửi tiền về cho chị để trả số tiền vay cho anh đi xuất khẩu. Nhưng chỉ gửi được 5 tháng thì anh N không còn gửi nữa, sau đó vợ chồng cũng ít liên lạc với nhau. Từ giữa năm 2021 đến nay anh N không còn liên lạc cho chị và con nữa. Bản thân chị cũng cố gắng liên lạc nhiều lần với anh N nhưng không được. Nay chị xác định tình cảm giữa vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung tên là Nguyễn Hoàng Yến Nh, sinh ngày 03/12/2015. Hiện đang ở cùng chị L tại xóm L xã T huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên. Khi ly hôn, chị có nguyện vọng được nuôi con chung và không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng phí tổn nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản làm việc giữa Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên với bà Phạm Thị Đ, sinh năm 1959 – địa chỉ: Xóm A, xã H, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên là mẹ đẻ của anh Nguyễn Văn N, xác định được: Sau khi nhận các văn bản của Tòa án, bà có thông tin cho anh N được biết việc chị L đang yêu cầu xin ly hôn với anh thì anh N có trao đổi lại: *“Anh xác định anh vẫn còn tình cảm với chị L, về việc chị L xin ly hôn anh không đồng ý, anh mong muốn được đoàn tụ. Về con chung: Vợ chồng có 01 con chung như chị L đã khai là đúng. Trong trường hợp Tòa án xem xét giải quyết cho vợ chồng ly hôn, anh không đồng ý cho chị L được nuôi con chung. Nếu chị L được nuôi con, anh cũng không đồng ý cấp dưỡng; Về tài sản chung, nợ chung: Anh không đề nghị giải quyết. Hiện nay anh đang ở nước ngoài không về nước để giải quyết vụ án được nên anh đề nghị Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật”*.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, sau khi nghe ý kiến phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Đây là vụ án ly hôn thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại Công văn số 6954/QLXNC-P5 ngày 05/4/2022 của Cục Quản lý xuất nhập cảnh – Bộ Công an xác định: Nguyễn Văn N, sinh ngày 20/8/1991, có thông tin xuất nhập cảnh nhiều lần, lần cuối xuất cảnh ngày 26/3/2021 qua cửa khẩu nội bài, hiện chưa có thông tin nhập cảnh. Theo quy định tại Điều 37 và Điều 39 của Bộ

luật tố tụng dân sự, đây là vụ án yêu cầu ly hôn có yếu tố nước ngoài, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên.

Nguyên đơn chị Hoàng Thị L chỉ cung cấp được địa chỉ cư trú cuối cùng của anh N ở Việt Nam mà không cung cấp được địa chỉ của anh N ở nước ngoài. Quá trình giải quyết vụ án, thông qua đại diện thân nhân của anh N là bà Phạm Thị Đ, có đủ căn cứ xác định anh N vẫn liên hệ với bà nhưng bà cũng không cung cấp được địa chỉ của anh N và anh N cũng không có lời khai bằng văn bản gửi về cho Tòa án. Ngày 14/7/2022 Tòa án đã tiếp tục yêu cầu nhưng bà Đ cũng không cung cấp địa chỉ của anh N ở nước ngoài. Do vậy, căn cứ công văn số 253/TANDTC-PC ngày 26/11/2018 của Tòa án nhân dân tối cao về việc giải quyết vụ án ly hôn có bị đơn người Việt Nam ở nước ngoài nhưng không rõ địa chỉ. Tòa án nhân dân tỉnh Thái Nguyên đưa vụ án ra xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung: Việc kết hôn giữa chị Hoàng Thị L và anh Nguyễn Văn N trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện Đ, tỉnh Thái Nguyên, Việt Nam là hôn nhân hợp pháp được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn là do trong cuộc sống vợ chồng giữa chị L và anh N có khoảng cách địa lý xa nhau, vợ chồng không thể chia sẻ và quan tâm đến nhau thường xuyên, không có tiếng nói chung, bất đồng về quan điểm sống. Chị L xác định không còn tình cảm vợ chồng với anh N và giữ nguyên quan điểm xin được ly hôn.

Phía bị đơn anh N, mặc dù không có lời khai bằng văn bản gửi về Tòa án nhưng tại buổi làm việc ngày 14/7/2022 thể hiện anh N được biết chị L xin ly hôn, anh xác định vợ chồng còn tình cảm nên anh không đồng ý ly hôn, mong muốn được đoàn tụ. Tại phiên tòa chị L giữ nguyên quan điểm, cương quyết xin ly hôn. Chị L cho biết từ năm 2021 đến nay vợ chồng đã không còn liên lạc, quan tâm đến nhau. Anh N mặc dù không đồng ý ly hôn với chị L nhưng anh cũng không chủ động gọi điện liên hệ, quan tâm hỏi han đến chị L nên giữa vợ chồng không còn sự đồng cảm, chia sẻ. Thấy rằng: Mâu thuẫn giữa chị L và anh N đã thực sự trầm trọng, mục đích hôn nhân theo Điều 19 Luật hôn nhân gia đình Việt Nam các bên đều không thực hiện được, nếu có tiếp tục duy trì cuộc hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc như mong muốn, nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Hoàng Thị L, cho chị L được ly hôn với anh N là phù hợp thực tế và Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình Việt Nam.

Về con chung: Chị L và anh N có 01 con chung là Nguyễn Hoàng Yến Nh, sinh ngày 03/12/2015, chị L có nguyện vọng được nuôi dưỡng và thông qua đại diện thân nhân của anh N, anh N thể hiện anh không đồng ý để chị L được nuôi con chung. Tuy nhiên hiện nay anh N đang lao động xuất khẩu ở nước ngoài, không thể

trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc con chung. Cháu Nh là con gái, còn nhỏ tuổi. Để đảm bảo điều kiện tốt nhất của trẻ khi cha mẹ ly hôn, Hội đồng xét xử giao thấy cần tiếp tục giao con chung là Nguyễn Hoàng Yến Nh cho chị L trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với thực tế đảm bảo mọi mặt của con chung khi cha mẹ ly hôn, cũng như quy định của pháp luật tại Điều 83, 84 Luật hôn nhân gia đình.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Chị L không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng, anh N cũng thể hiện quan điểm không đồng ý cấp dưỡng. Hội đồng xét xử tạm hoãn phần nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con cho anh N vì chị L không yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị L xác định không có và không yêu cầu giải quyết. Phía anh N không có lời khai bằng văn bản, thể hiện ý kiến, quan điểm của mình nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết về tài sản chung, nợ chung. Các bên đương sự cũng có quyền khởi kiện bằng vụ kiện dân sự khác khi có đủ căn cứ và có yêu cầu.

[3] Án phí: Chị L phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4] Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử: Tuân thủ đúng các quy định của pháp luật; Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án: Nguyên đơn chấp hành đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, bị đơn chưa chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

Về đường lối giải quyết vụ án, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị L, cho chị L được ly hôn với anh N; Về con chung: Giao cháu Nguyễn Hoàng Yến Nh, sinh năm 2015 giao chị L trực tiếp nuôi dưỡng. Về cấp dưỡng: Tạm hoãn cấp dưỡng cho anh N do chị L không yêu cầu. Chị L phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát là có căn cứ, được chấp nhận.

Bởi các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 37, Điều 39 và Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; Nghị quyết

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận đơn khởi kiện xin ly hôn của chị Hoàng Thị L. Chị Hoàng Thị L được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Hoàng Yến Nh, sinh ngày 03/12/2015 cho chị L trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục cho đến khi cháu Nh đủ 18 tuổi hoặc khi có sự thay đổi khác. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho anh N do chị L không yêu cầu.

Anh N có quyền, nghĩa vụ đi lại thăm nom và chăm sóc con chung, không ai được cản trở. Vì lợi ích của con, khi cần thiết các bên có thể yêu cầu thay đổi việc nuôi con và mức cấp dưỡng nuôi con chung và được giải quyết bằng vụ kiện dân sự khác khi các bên đương sự có yêu cầu.

3. Tài sản chung, nợ chung: Không giải quyết.

4. Án phí: Chị Hoàng Thị L phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm sung quỹ Nhà nước được trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000104 ngày 27/4/2022 tại Cục Thi hành án dân sự tỉnh Thái Nguyên.

Chị L được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; Anh N được quyền kháng cáo trong hạn một tháng kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND xã Tiên Hội;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Đức Thuận